

Trong bài này, các em học những nội dung sau:



Từ vựng (Vocabulary)

Làm quen với từ vựng về đồ chơi.

robot: người máy

big: to, lớn

doll: búp bê

small: nhỏ, bé

car: ô tô, xe hơi



Cấu trúc (Structure)

Làm quen cách hỏi một người khác về đồ vật họ nhìn thấy và trả lời.

What can you see? Bạn có thấy gì không?

I can see a big doll. Mình thấy có một con búp bê to.

I can see a small robot. Mình thấy có một con người máy nhỏ.



Bài về (Chant)

Thực hành âm và các từ vừa học trong bài về.



Luyện tập với bạn (Practice with your friends)

Học sinh chia cặp, nhìn vào tranh và thực hành từ vựng, cấu trúc câu trong bài hội thoại về đồ chơi.



Trò chơi (Game):

(Pass the word) Củng cố ghi nhớ từ vựng: Học sinh chơi theo nhóm nhỏ (4-5 học sinh) và đứng thành vòng tròn. Giáo viên đưa cho học sinh một danh sách theo trình tự các từ vựng đã học (robot, doll, big, small, car). Tất cả học sinh trong nhóm phải ghi nhớ trình tự này. Để bắt đầu trò chơi, một học sinh chỉ một bạn bất kỳ trong nhóm và nói một từ vựng trong danh sách, học sinh được chỉ sẽ phải nói từ tiếp theo trong trình tự. Nếu một học sinh nào trong nhóm nói sai từ, sẽ bị loại và phải ngồi xuống. Học sinh còn đứng sau cùng sẽ là người chiến thắng.

(Draw it) Củng cố ghi nhớ các từ vựng trong bài qua trò chơi: Giáo viên chia lớp thành hai nhóm và mời mỗi nhóm một học sinh lên bảng. Giáo viên đưa cho hai học sinh này mỗi em một từ vựng đã học và yêu cầu các em vẽ hình minh họa lên bảng (bằng phấn hoặc bút lông xanh). Các học sinh khác trong nhóm sẽ đoán từ vựng thông qua hình vẽ trên bảng. Học sinh sử dụng cấu trúc câu cho sẵn để đoán. Đội nào có học sinh trả lời đúng và sớm nhất sẽ được ghi điểm. Đội thắng là đội có nhiều điểm nhất.



Luyện tập thêm tại nhà: Luyện phát âm thật đúng các từ, câu đã học. (CD3, track 24-29)

Làm các bài tập trong Sách bài tập (trang 68-69).

Sử dụng các phần mềm DHA, eWB (chủ đề 7, bài 1) và E-Readers để luyện tập thêm.

Trong bài này, các em học những nội dung sau:



Từ vựng (Vocabulary)

Làm quen với từ vựng về đồ chơi. (tiếp theo)

card: tấm thẻ, bài

dice: viên xúc xắc

block: đồ chơi hình khối

marble: viên bi



Cấu trúc (Structure)

Làm quen cách hỏi ai đó về số lượng đồ chơi và trả lời.

How many marbles do you have? Bạn có bao nhiêu viên bi?

I have five marbles. Mình có 5 viên bi.



Bài về (Chant)

Thực hành âm và các từ vừa học trong bài về.



Luyện tập với bạn (Practice with your friends)

Học sinh chia cặp, nhìn vào tranh và thực hành từ vựng, cấu trúc câu trong bài hội thoại về đồ chơi.



Trò chơi (Game)

(Four corners) Cùng cố ghi nhớ từ vựng qua trò chơi: Giáo viên mời một học sinh lên đứng trước lớp. Giáo viên đặt vào mỗi góc tường trong lớp một flashcard. Sau đó, học sinh đứng trước lớp sẽ nhắm mắt lại. Các học sinh còn lại trong lớp đứng lên và chỉ vào một flashcard mà họ thích. Học sinh đứng trước lớp (đang nhắm mắt) sẽ đọc một từ trên flashcard trong bốn góc tường. Những học sinh nào đã chọn flashcard vừa được đọc sẽ phải ngồi xuống. Lặp lại trò chơi đến khi chỉ còn một học sinh còn đứng và học sinh này là người chiến thắng.

(Magic finger) Cùng cố và thực hành từ vựng & cấu trúc qua trò chơi: Học sinh chơi theo cặp (Học sinh A và Học sinh B). Học sinh A hỏi mẫu câu “How many?” và dùng ngón tay trỏ viết một số lên lưng Học sinh B. Học sinh B cố gắng đoán số và trả lời câu hỏi. Sau đó, đổi vai và lặp lại trò chơi.



Luyện tập thêm tại nhà

Luyện phát âm thật đúng các từ, câu đã học. (CD3, track 30-35)

Làm các bài tập trong Sách bài tập (trang 70-71).

Sử dụng các phần mềm DHA, eWB (chủ đề 7, bài 2) và E-Readers để luyện tập thêm.

Trong bài này, các em học những nội dung sau:



Từ vựng (Vocabulary)

Làm quen với từ vựng về giới từ.

under: ở dưới

toy box: hộp đồ chơi

on: ở trên

wardrobe: tủ đồ, tủ quần áo

in: ở trong



Cấu trúc (Structure)

Làm quen về cách nói câu mệnh lệnh.

Put the ball on the chair.

Đặt trái bóng lên trên cái ghế.



Bài về (Chant)

Thực hành âm và các từ vừa học trong bài về.



Luyện tập với bạn (Practice with your friends)

Học sinh chia cặp, nhìn vào tranh và thực hành từ vựng, cấu trúc câu trong bài hội thoại về giới từ.



Trò chơi (Game)

(Board race) Cùng cố ghi nhớ các đồ vật qua trò chơi: Giáo viên chia lớp thành hai đội. Mỗi lượt chơi, giáo viên dán hai flashcard lên bảng và mời mỗi đội một học sinh lên đứng cách bảng một khoảng nhất định. Giáo viên đọc lớn một trong hai từ vựng trên flashcard. Hai học sinh này chạy đến và chạm vào flashcard tương ứng. Học sinh nào chạm đúng flashcard đầu tiên sẽ ghi được 01 điểm cho đội của mình.

(Simon says) Cùng cố và thực hành các từ vựng trong bài qua trò chơi: Để chơi trò chơi này, một học sinh đóng vai “Simon” đứng trước lớp và ra khẩu lệnh bắt đầu với cụm từ “Simon says” và các học sinh còn lại trong lớp đứng lên và thể hiện động tác. Nhưng nếu học sinh đóng vai “Simon” không bắt đầu với cụm từ “Simon says...”, mà học sinh nào thực hiện động tác sẽ bị “loại” và ngồi xuống. Lần lượt đổi vai “Simon”, học sinh nào vẫn còn đứng đến cuối trò chơi là người chiến thắng.



Luyện tập thêm tại nhà

Luyện phát âm thật đúng các từ, câu đã học. (CD3, track 36-41)

Làm các bài tập trong Sách bài tập (trang 72-73).

Sử dụng các phần mềm DHA, eWB (chủ đề 7, bài 3) và E-Readers để luyện tập thêm.

Trong bài này, các em học những nội dung sau:



Từ vựng (Vocabulary)

Làm quen với từ vựng về số đếm (11-20).

eleven: số 11

sixteen: số 16

plus: cộng

twelve: số 12

seventeen: số 17

minus: trừ

thirteen: số 13

eighteen: số 18

fourteen: số 14

nineteen: số 19

fifteen: số 15

twenty: số 20



Cấu trúc (Structure)

Làm quen với cách nói các phép tính cộng và trừ.

Seven plus twelve is nineteen.

Bảy cộng mười hai bằng mười chín.

Twenty minus six is fourteen.

Hai mươi trừ sáu bằng mười bốn.



Luyện tập với bạn (Practice with your friends)

Học sinh chia cặp, nhìn vào tranh và thực hành nói các phép tính cộng, trừ bằng tiếng Anh.



Trò chơi (Game)

(Play guess) Cùng cố ghi nhớ từ vựng: Giáo viên dán flashcard lên bảng và đánh số thứ tự (1,2,3...) bên dưới. Học sinh quan sát flashcard và đếm số thứ tự. Sau đó, giáo viên lật úp flashcard để học sinh không nhìn thấy. Giáo viên gọi một số đếm bất kì, và học sinh đoán từ vựng trên flashcard tương ứng.



Luyện tập thêm tại nhà

Luyện phát âm thật đúng các từ, câu đã học. (CD3, track 42-44)

Làm các bài tập trong Sách bài tập (trang 74-75).

Sử dụng các phần mềm DHA, eWB (chủ đề 7, bài math) và E-Readers để luyện tập thêm.

Trong bài này, các em học những nội dung sau:



Từ vựng (Vocabulary)

Ôn tập và củng cố lại các từ vựng đã học từ các bài trước trong chủ đề 7.

robot	card	wardrobe	eleven	sixteen	
doll	block	under	twelve	seventeen	plus
car	dice	on	thirteen	eighteen	minus
big	marble	in	fourteen	nineteen	
small	toy box		fifteen	twenty	



Cấu trúc (Structure)

Ôn tập và củng cố lại các cấu trúc đã học từ các bài trước trong chủ đề 7.

What can you see?

→ I can see a big doll.

→ I can see a small robot.

How many marbles do you have?

→ I have five marbles

Put the ball on the chair.

Seven plus twelve is nineteen.

Twenty minus six is fourteen.



Trò chơi (Game)

(Connect three) Củng cố ghi nhớ các từ vựng và cấu trúc của chủ đề 7 qua trò chơi: Học sinh chơi theo nhóm 04 người, chia thành 02 cặp. Hai cặp này sẽ chơi “kéo, búa, bao” để quyết định lượt chơi. Cặp nào thắng sẽ được chọn một “space” có một biểu tượng (tam giác, tròn, kim cương) tương ứng với cấu trúc câu cho sẵn. Sau đó, sử dụng cấu trúc câu cho sẵn để hỏi và trả lời. Nếu sử dụng đúng cấu trúc câu cho sẵn, cặp học sinh này sẽ đánh dấu lên “space” đã chọn. Cặp nào có 3 dấu liền kề theo hàng dọc, hàng ngang hoặc chéo trước sẽ thắng.



Luyện tập thêm tại nhà

Luyện phát âm thật đúng các từ. (CD3, track 45)

Làm các bài tập trong Sách bài tập (trang 76-77).

Sử dụng các phần mềm DHA, eWB (chủ đề 7, bài review and practice) và E-Readers để luyện tập thêm.